

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 1674/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 26 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các Hải quan cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 296/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục ba mươi ba (33) thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm Lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các Hải quan cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện:

a) Rà soát, xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Trường hợp các quy trình không thay đổi về nội dung, chỉ thay đổi mã số TTHC thì lập Danh sách các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến gửi Sở Khoa học và Công nghệ để điều chỉnh các mã số quy trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

b) UBND cấp huyện có trách nhiệm sao gửi và chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tổ chức công khai và thực hiện các TTHC này theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Hải quan khu vực IX, Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử QB;
- Các Hạt Kiểm lâm cấp huyện (để thực hiện);
- Các Hải quan cửa khẩu trên địa bàn (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT, KSTTHC.

✓



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục
DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
(Kèm theo Quyết định số ~~1674~~ /QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

I. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG BÌNH

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương 1.012921.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định về thanh lý rừng trồng.
2	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý 1.012687.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp của

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
3	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở NN&PTNT hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng 1.011470.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp.
4	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp 3.000198.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.4 triệu đồng/vườn giống; - Cây trọt: 400.000 đồng/cây. - Công nhận vườn cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom): 1 triệu đồng/lần.	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp.
5	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 15 ngày	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị,	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định 58/2024/NĐ-Cp ngày 24/5/2024 của Chính phủ

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư 1.007918.000.00.00.H46	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình		Về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.
6	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế 1.007917.000.00.00.H46	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa); - Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa)	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.
7	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế 1.007916.000.00.00.H46	- Trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tỉnh: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.			
8	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý 1.000084.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
9	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý 1.000081.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
10	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh 1.000071.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
11	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	1.000058.000.00.00.H46				một số điều của Luật Lâm nghiệp.
12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức 1.000055.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về quản lý rừng bền vững.
13	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh 1.012692.000.00.00.H46	- HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
14	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng 1.012691.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
15	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức 1.012689.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
16	Quyết định giao rừng cho tổ chức 1.012688.000.00.00.H46	- UBND tỉnh ban hành Quyết định giao rừng: 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Sở NN&MT phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức: 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giao rừng của UBND tỉnh.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
17	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý 1.012690.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
18	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng 1.012413.000.00.00.H46	- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở NN&MT nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở NN&MT nhận được hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
19	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ 3.000160.000.00.00.H46	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc kể	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
20	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu 3.000159.000.00.00.H46	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm quyết định tăng thời hạn kiểm tra (khi có thông tin vi phạm): 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
21	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 3.000152.000.00.00.H46	<i>Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh</i> - HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: HĐND tỉnh xem xét,	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp của Chính phủ quy định chi tiết thi

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
22	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES 1.004815.000.00.00.H46	- Thời gian cấp mã số: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, không quá 30 ngày. - Đối với các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở: + Thời gian Chi cục Kiểm lâm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. + Thời gian Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trả lời bằng văn bản: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp mã số. - Thời gian Chi cục Kiểm lâm gửi thông tin về Cơ quan thẩm	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22/9/2021 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quyền quản lý CITES Việt Nam để đăng tải mã số đã cấp lên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp mã số cơ sở nuôi, trồng.			
23	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên 1.000047.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ NN&PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
24	Xác nhận bảng kê lâm sản 1.000045.000.00.00.H46	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Chi cục Kiểm lâm Số 92 đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ NN&PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

II. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng 1.012922.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 quy định về thanh lý rừng trồng.
2	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân 1.012531.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ Về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.
3	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái 3.000250.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về quản lý rừng bền vững.
4	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện 1.011471.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

5	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư 1.007919.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định 58/2024/NĐ-Cp ngày 24/5/2024 của Chính phủ Về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.
6	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng 1.012695.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
7	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân 1.012694.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

III. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư 1.012693.000.00.00.H46	Tổng thời gian giải quyết TTHC trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không quy định	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

IV. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHI CỤC HẢI QUAN

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu 3.000154.000.00.00.H46	Thực hiện theo Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố TTHC mới/TTHC thay thế/TTHC bãi bỏ/TTHC giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính (mã hồ sơ TTHC số 1.007859 được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia).	Hải Quan cửa khẩu	20.000đ/ tờ khai	- Luật Lâm Nghiệp năm 2017; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.